

Phủ Yên, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên đại học hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HDT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác học sinh - sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng từ học kỳ I năm học 2023-2024 và thay thế Quyết định số 381/QĐ-ĐHXD-MT ngày 22/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *Zd*

- Hội đồng trường (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Niêm yết website;
- Lưu: VT, CT.HSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Huệ
TS. Phan Văn Huệ

Phú Yên, ngày tháng năm 2023

QUY CHẾ
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 995/QĐ-ĐHXD-MT ngày 27 tháng 1 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy, bao gồm các nội dung: quy định chung, tiêu chuẩn đánh giá và khung điểm, phân loại kết quả rèn luyện, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả rèn luyện, tổ chức thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá

1. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo các tiêu chuẩn và khung điểm được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng, công khai.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, lấy sinh viên làm trung tâm; tôn trọng các quyền lợi của sinh viên trong quá trình đánh giá. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện và định hướng xây dựng kế hoạch rèn luyện.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường khi tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ, hành động của sinh viên, được định lượng thông qua điểm rèn luyện.

2. Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện thể hiện qua các nội dung:

- Ý thức tham gia học tập;
- Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác của Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

3. Điểm rèn luyện trong mỗi đợt được quy định chi tiết trong Chương II và phụ lục kèm theo quy chế này.

4. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng khung điểm 100.

5. Mỗi đợt đánh giá tương ứng với một học kỳ chính thức, được xác định từ

thời điểm bắt đầu học kỳ này đến thời điểm bắt đầu học kỳ liền kề sau đó, không tính thời gian của học kỳ hè.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Các tiêu chuẩn đánh giá và khung điểm

1. Tiêu chuẩn 1: Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1.1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Kết quả học tập trong học kỳ (lấy điểm thi lần thứ 1): tối đa 12 điểm

- Điểm trung bình chung học tập từ 3,6 đến 4,00 : 12 điểm;
- Điểm trung bình chung học tập từ 3,2 đến 3,59 : 10 điểm;
- Điểm trung bình chung học tập từ 2,5 đến 3,19 : 8 điểm;
- Điểm trung bình chung học tập từ 2,0 đến 2,49 : 6 điểm;
- Điểm trung bình chung học tập từ 1,0 đến 1,99 : 3 điểm;
- Điểm trung bình chung học tập dưới 1,0 : 0 điểm.

b) Chấp hành quy chế thi: tối đa 4 điểm

- Không vi phạm : 4 điểm;
- Vi phạm mức khiển trách : - 2 điểm/lần;
- Vi phạm mức cảnh cáo : - 3 điểm/lần;
- Vi phạm mức đình chỉ thi : - 4 điểm/lần.

c) Tham gia các cuộc thi liên quan đến học thuật; tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia các cuộc thi sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên: tối đa 4 điểm

- Cấp quốc gia : 4 điểm/HP;
- Cấp tỉnh : 3 điểm/HP;
- Cấp trường, cấp huyện : 2 điểm/HP;
- Cấp khoa, cấp câu lạc bộ : 1 điểm/HP.

Lưu ý:

- Sinh viên được chọn để ôn luyện nhưng không được chọn vào đội tuyển tham gia dự thi được đánh giá thấp hơn sinh viên tham gia dự thi 01 điểm;

- Sinh viên đăng ký nhưng không tham gia dự thi mà không có lý do chính đáng bị trừ với số điểm tương ứng.

d) Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, có điểm trung bình chung học tập (lấy điểm thi lần thứ 1) từ 3,2 trở lên: được thưởng 2 điểm trong kỳ xét.

1.2. Khung điểm đánh giá

a) Khung điểm đánh giá của tiêu chuẩn từ 0 đến 20 điểm. Tổng số điểm không vượt quá điểm khung;

b) Sinh viên vi phạm quy chế thi, ngoài việc bị trừ điểm của Tiêu chuẩn 1; nếu đến mức bị xử lý kỷ luật, còn bị xếp loại rèn luyện theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 của Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn 2: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường

2.1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Chấp hành các văn bản chỉ đạo của cấp trên được Nhà trường triển khai:

tối đa 6 điểm

- Chấp hành tốt, kịp thời, không vi phạm : 6 điểm;
- Chấp hành không tốt, không kịp thời : - 3 điểm/lần.
- b) Chấp hành kỷ luật của Nhà trường: tối đa 10 điểm
 - Chấp hành tốt, không vi phạm kỷ luật : 10 điểm;
 - Bị kỷ luật khiến trách trước toàn trường : - 5 điểm/lần;
 - Bị kỷ luật cảnh cáo trước toàn trường : - 10 điểm/lần;
 - Không nộp sổ liên lạc : - 10 điểm/HK;
 - Không tham gia bảo hiểm y tế : - 10 điểm/HK.
- c) Chấp hành nội quy thư viện: tối đa 2 điểm
 - Chấp hành tốt : 2 điểm;
 - Vi phạm : - 2 điểm/lần.
- d) Chấp hành quy định đóng học phí: tối đa 4 điểm
 - Đóng học phí đầy đủ, đúng hạn : 4 điểm;
 - Đóng chậm, có lý do chính đáng, không bị cấm thi : 2 điểm;
 - Đóng chậm, không có lý do chính đáng, bị cấm thi : 0 điểm.
- đ) Chấp hành quy định nếp sống văn hóa học đường: tối đa 3 điểm
 - Chấp hành tốt, không có vi phạm : 3 điểm;
 - Vi phạm quy định, hút thuốc lá trong khu vực trường : - 3 điểm/lần.

2.2. Khung điểm đánh giá

a) Khung điểm đánh giá của tiêu chuẩn từ 0 đến 25 điểm. Tổng số điểm không vượt quá điểm khung;

b) Sinh viên vi phạm kỷ luật, ngoài việc bị trừ điểm của tiêu chuẩn 2 còn bị xếp loại rèn luyện theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 của quy định này.

3. Tiêu chuẩn 3: Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

3.1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (tham gia một hoạt động +3 điểm): tối đa 9 điểm

- Đăng ký và tham gia hoạt động : 3 điểm/lần;
- Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng : - 3 điểm/lần.

b) Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (tham gia một hoạt động +2 điểm): tối đa 6 điểm

- Đăng ký và tham gia hoạt động : 2 điểm/lần;
- Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng : - 2 điểm/lần.

c) Ý thức tham gia họp lớp - sinh hoạt đoàn thể ở lớp học: tối đa 3 điểm

- Tham gia đầy đủ : 3 điểm;
- Vắng mặt, không có lý do chính đáng : - 2 điểm/lần.

d) Tham dự các buổi tuyên truyền về pháp luật; cam kết phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: tối đa 2 điểm

- Có tham gia, có cam kết thực hiện 2 Không : 2 điểm;
- Không tham gia, không có cam kết thực hiện 2 Không : 0 điểm.

3.2. Khung điểm đánh giá

Khung điểm đánh giá của tiêu chuẩn từ 0 đến 20 điểm. Tổng số điểm không vượt quá điểm khung.

4. Tiêu chuẩn 4: Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

4.1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng: tối đa 6 điểm
- Chấp hành tốt và tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức : 6 điểm;
 - Không tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức : -3 điểm/lần;
 - Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị lập biên bản : - 3 điểm/lần;
 - Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị xử lý hành chính : - 6 điểm/lần.
- b) Lối sống, thái độ cư xử với mọi người xung quanh: tối đa 4 điểm
- Có lối sống lành mạnh, trung thực, cư xử đúng mực : 4 điểm;
 - Có hành vi không lành mạnh, không trung thực, cư xử không tốt, bị Nhà trường nhắc nhở nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật : - 2 điểm/lần.
- c) Tham gia các hoạt động công ích do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (tham gia một hoạt động +3 điểm): tối đa 9 điểm
- Đăng ký và tham gia hoạt động : 3 điểm/lần;
 - Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng : - 3 điểm/lần.
- d) Tham gia các hoạt động công ích do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (tham gia một hoạt động +2 điểm): tối đa 6 điểm
- Đăng ký và tham gia hoạt động : 2 điểm/lần;
 - Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng : - 2 điểm/lần.

4.2. Khung điểm đánh giá

Khung điểm đánh giá của tiêu chuẩn từ 0 đến 25 điểm. Tổng số điểm không vượt quá điểm khung.

5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác của Nhà trường

5.1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

- a) Sinh viên là Lớp trưởng, ủy viên BCH Đoàn trường, ủy viên BCH Hội Sinh viên, Bí thư chi Đoàn, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm CLB sinh viên: tối đa 10 điểm
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A : 10 điểm;
 - Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B : 7 điểm;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C : 0 điểm.
- b) Sinh viên là Lớp phó, phó Bí thư chi Đoàn, Chi hội phó, phó Chủ nhiệm CLB sinh viên: tối đa 7 điểm

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A : 7 điểm;
 - Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B : 5 điểm;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C : 0 điểm.
- c) Sinh viên là Ủy viên BCH chi đoàn, chi hội; ủy viên Ban chủ nhiệm CLB sinh viên: tối đa 5 điểm
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A : 5 điểm;
 - Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B : 3 điểm;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C : 0 điểm.
- d) Sinh viên là thành viên các CLB sinh viên MUCE (theo đánh giá của các CLB): tối đa 2 điểm
- Tham gia tích cực : 2 điểm;
 - Tham gia không tích cực : 0 điểm
- đ) Sinh viên tham gia đội Lễ tân, Thanh niên xung kích, Tổ trưởng tổ ngoại trú tự quản an toàn về ANTT: tối đa 10 điểm
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A : 10 điểm;
 - Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B : 7 điểm;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C : 0 điểm.

5.2. Khung điểm đánh giá

Khung điểm đánh giá của tiêu chuẩn từ 0 đến 10 điểm. Tổng số điểm không vượt quá điểm khung.

Điều 5. Nguyên tắc đánh giá các tiêu chuẩn

1. Sinh viên đạt được kết quả ở tiêu chí nào thì cộng điểm ở tiêu chí đó nhưng không vượt quá số điểm phân bố của tiêu chí. Tổng số điểm của các tiêu chí không vượt quá điểm khung của tiêu chuẩn.
2. Sinh viên vi phạm ở tiêu chí nào thì bị trừ điểm của tiêu chí đó. Nếu số điểm của tiêu chí đó đã bị trừ hết thì lấy số điểm đạt được của các tiêu chí khác trong tiêu chuẩn đó để trừ nhưng không vượt quá điểm khung của tiêu chuẩn.
3. Tổng số điểm của 5 tiêu chuẩn là 100 điểm.

Điều 6. Sinh viên được thưởng điểm khi đạt các thành tích trong học thuật, hoạt động phong trào hoặc tham gia các công tác khác

1. Các tiêu chí để xác định điểm thưởng
 - a) Phát hiện và tố giác tội phạm, được cơ quan Công an hoặc Nhà trường ghi nhận, tuyên dương hoặc khen thưởng : 10 điểm;
 - b) Hiến máu cấp cứu : 10 điểm;
 - c) Hiến máu : 5 điểm;
 - d) Sinh viên được khen thưởng trong các hoạt động phong trào, công tác xã hội, phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường
 - Bằng khen, Giấy khen cấp quốc gia : 6 điểm;
 - Bằng khen, Giấy khen cấp tỉnh : 5 điểm;
 - Bằng khen, Giấy khen cấp trường, cấp huyện : 3 điểm.
- đ) Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao
 - Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-5) điểm/SV;

- Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (7-6-5-4) điểm/SV;
 - Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (5-4-3-2) điểm/SV;
 - Giải cấp khoa: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm/SV;
 - Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.
- e) Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi học thuật, khởi nghiệp sáng tạo, đạt giải Loa thành hoặc các giải thưởng tương đương khác
- Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (10-9-8-6) điểm/SV;
 - Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-4) điểm/SV;
 - Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (6-5-4-3) điểm/SV;
 - Giải cấp khoa: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm/SV;
 - Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.
- g) Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học
- Được đánh giá xuất sắc : 6 điểm;
 - Được đánh giá hoàn thành : 4 điểm.
- h) Sinh viên tham gia hè tình nguyện: 10 điểm;
- i) Sinh viên được kết nạp Đảng: 5 điểm;
- k) Sinh viên được Trường cử đi tham dự các hoạt động học thuật (các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi,...); sinh viên là thành viên của các CLB, tham gia các hoạt động lớn hoặc các cuộc thi (trong kế hoạch đã được đơn vị bảo trợ phê duyệt hoặc các hoạt động/cuộc thi đột xuất do đơn vị bảo trợ tổ chức): 2 điểm/ hoạt động;
- l) Sinh viên tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh của Nhà trường: 5 điểm/hoạt động.

2. Khung điểm đánh giá

- a) Khung điểm thưởng tối đa là 10 điểm. Tổng số điểm thưởng không vượt quá điểm khung;
- b) Tổng số điểm rèn luyện của 5 tiêu chuẩn + điểm thưởng không vượt quá 100 điểm.

Chương III **PHÂN LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

Điều 7. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.
2. Phân loại kết quả rèn luyện:
 - a) Từ 90 đến 100 điểm : loại xuất sắc;
 - b) Từ 80 đến 89 điểm : loại tốt;
 - c) Từ 65 đến 79 điểm : loại khá;
 - d) Từ 50 đến 64 điểm : loại trung bình;
 - đ) Từ 35 đến 49 điểm : loại yếu;
 - e) Dưới 35 điểm : loại kém.

Điều 8. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ bị kỷ luật.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp trước thời gian so với thời gian thiết kế của khóa học thì kết quả rèn luyện được đánh giá trong thời gian thực tế học tập.
6. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện; được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
7. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên; do khoa/trung tâm quản lý sinh viên đề xuất tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.
8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại khoa/trung tâm quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của khoa/trung tâm quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì khoa/trung tâm quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.
9. Sinh viên chuyển từ cơ sở đào tạo khác về Trường được bảo lưu kết quả rèn luyện tại cơ sở đào tạo cũ và tiếp tục được Nhà trường đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường

- a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập.

- b) Thành phần của Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

- Thường trực Hội đồng: lãnh đạo phòng Công tác học sinh - sinh viên;

- Các ủy viên: đại diện lãnh đạo các khoa, phòng có liên quan; đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên.

- c) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của toàn thể sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng;

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa; trình Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện xem xét, công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập.

b) Thành phần của Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền;

- Các ủy viên: trợ lý khoa, thư ký khoa, giảng viên cố vấn học tập; đại diện Liên chi Đoàn thanh niên, Liên chi hội Hội sinh viên.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Tư vấn giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa;

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các cố vấn học tập của lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

Điều 10. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

Bước 1. Trước khi kết thúc học kỳ 01 tháng, thường trực Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường tham mưu Hội đồng ra Thông báo đánh giá kết quả rèn luyện.

Bước 2. Chuẩn bị dữ liệu đánh giá

a) Các đơn vị gửi (bản cứng) danh sách khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện cùng minh chứng kèm theo (*file mẫu tham khảo như Phụ lục 1*) về phòng Công tác học sinh - sinh viên. Thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông báo;

b) Phòng Công tác học sinh - sinh viên tổng hợp các danh sách khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện cùng minh chứng, gửi về khoa quản lý sinh viên. Thời gian không quá 02 ngày làm việc;

c) Khoa quản lý sinh viên tổng hợp, gửi danh sách khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện cùng minh chứng cho các lớp sinh viên và giảng viên Cố vấn học tập. Thời gian không quá 02 ngày làm việc;

d) Sinh viên kiểm tra dữ liệu, liên hệ đơn vị cung cấp minh chứng để khiếu nại về kết quả điểm rèn luyện (nếu có). Đơn vị cung cấp minh chứng phản hồi với sinh viên và gửi minh chứng bổ sung (nếu có) về phòng Công tác học sinh - sinh viên để cung cấp bổ sung cho các đơn vị. Thời gian khiếu nại và cung cấp minh chứng bổ sung không quá 03 ngày làm việc kể từ khi sinh viên nhận được dữ liệu từ khoa quản lý sinh viên.

Bước 3. Đánh giá rèn luyện ở lớp sinh viên

Giảng viên Cố vấn học tập tổ chức họp lớp

a) Sinh viên căn cứ vào các minh chứng, tự đánh giá vào Phiếu đánh giá rèn luyện của sinh viên (*Phụ lục 2*);

b) Tập thể lớp bình xét công khai kết quả rèn luyện của từng sinh viên. Kết quả rèn luyện của sinh viên phải được $\geq 50\%$ ý kiến của tập thể lớp đồng ý;

c) Giảng viên cố vấn học tập gửi kết quả đánh giá rèn luyện của lớp về khoa quản lý sinh viên. Hồ sơ gồm có:

- Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;
- Biên bản họp lớp (*Phụ lục 3 - 2 bộ*);
- Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp (*Phụ lục 4 - 2 bộ*).

Lưu ý:

- Những nội dung chưa đủ dữ liệu để đánh giá, ví dụ: kết quả học tập của học kỳ thi để trống (khoa quản lý sinh viên có trách nhiệm cập nhật);
- Giảng viên cố vấn học tập chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên của lớp.

Bước 4. Đánh giá rèn luyện cấp khoa

a) Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp khoa tổ chức họp phê duyệt kết quả rèn luyện của các lớp sinh viên;

b) Gửi kết quả về Thường trực Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường (phòng Công tác học sinh - sinh viên) để tổng hợp. Hồ sơ gồm có:

- Biên bản họp lớp (*Phụ lục 3 - bản gốc*);
- Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp (*Phụ lục 4 - bản gốc*);
- Biên bản họp đánh giá rèn luyện cấp khoa (*Phụ lục 5*);
- Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp do khoa đánh giá (*Phụ lục 6*).

c) Khoa công khai kết quả đánh giá rèn luyện cấp khoa trên các kênh thông tin của khoa và gửi kết quả về các lớp sinh viên;

d) Khoa xử lý các khiếu nại của sinh viên, thời gian thực hiện 05 ngày kể từ khi công khai kết quả đánh giá.

Bước 5. Đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường

a) Phòng Công tác học sinh - sinh viên tiếp nhận kết quả đánh giá rèn luyện cấp khoa, kiểm tra và tổng hợp kết quả;

b) Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường họp thông qua kết quả rèn luyện;

c) Phòng Công tác học sinh - sinh viên công khai kết quả đánh giá rèn luyện cấp trường trên website của phòng; khoa quản lý sinh viên công khai đến các lớp sinh viên trên các kênh thông tin của khoa. Thời gian công khai kết quả này là 05 ngày làm việc để sinh viên kiểm tra và xử lý các khiếu nại (nếu có);

d) Thường trực Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường phối hợp với các khoa quản lý sinh viên thống nhất kết quả điều chỉnh (nếu có) và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường;

đ) Chủ tịch Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường thông qua Quyết định công nhận kết quả rèn luyện trong học kỳ của sinh viên.

Điều 11. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 Tiêu chuẩn và điểm thưởng quy định tại Điều 6 của quy định này.

2. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng điểm rèn luyện 02 học kỳ của năm học đó.

3. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ thực tế sinh viên học tập (có đánh giá kết quả học tập) tại trường.

4. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường; được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ và các loại học bổng khác; xét khen thưởng, kỷ luật, xét lưu trú ký túc xá và các quy định khác của Nhà trường.

5. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

6. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

7. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo; nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

Điều 12. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại về kết quả đánh giá rèn luyện bằng cách gửi đơn đến Nhà trường thông qua Khoa quản lý sinh viên hoặc phòng Công tác học sinh - sinh viên. Nhà trường sẽ xem xét và trả lời cho sinh viên trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận đơn.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Công tác học sinh - sinh viên là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm triển khai thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

2. Các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai tổ chức và thực hiện đánh giá đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nghiêm túc theo đúng quy định khi có thông báo từ Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung hoặc chỉnh sửa, các đơn vị, cá nhân gửi ý kiến góp ý thông qua thường trực Hội đồng để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định. / z/z

HIỆU TRƯỞNG
THƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG
TS. Phan Văn Huệ



PHIÊN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Phụ lục 2

Học kỳ: Năm học 20..... - 20.....

Họ tên: Mã số SV: Lớp:

I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
1	Tiêu chuẩn 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)	(0 ÷ 20) điểm		
1.1	Kết quả học tập trong học kỳ (lấy điểm thi lần thứ 1)	12 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 3,6 đến 4,00	12 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 3,2 đến 3,59	10 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 2,5 đến 3,19	8 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 2,0 đến 2,49	6 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 1,0 đến 1,99	3 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập dưới 1,0	0 điểm		
1.2	Chấp hành quy chế thi	4 điểm		
	+ Không vi phạm.	4 điểm		
	+ Vi phạm mức khiển trách	- 2 điểm/lần		
	+ Vi phạm mức cảnh cáo	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm mức đình chỉ thi	- 4 điểm/lần		
1.3	Tham gia các cuộc thi liên quan đến học thuật; tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia các cuộc thi sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên	4 điểm		
	+ Cấp quốc gia	4 điểm/HP		
	+ Cấp tỉnh	3 điểm/HP		
	+ Cấp trường, cấp huyện	2 điểm/HP		
	+ Cấp khoa, cấp câu lạc bộ	1 điểm/HP		
	Lưu ý: + Sinh viên được chọn để ôn luyện nhưng không được chọn vào đội tuyển tham gia dự thi được đánh giá thấp hơn sinh viên tham gia dự thi 01 điểm. + Sinh viên đăng ký nhưng không tham gia dự thi mà không có lý do chính đáng bị trừ với số điểm tương ứng.			
1.4	Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, có điểm trung bình chung học tập (lấy điểm thi lần thứ 1) từ 3,2 trở lên được thưởng 2 điểm trong kỳ xét.			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
<i>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 20) điểm.</i>				
2	Tiêu chuẩn 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)	(0 ÷ 25) điểm		
2.1	Chấp hành các văn bản chỉ đạo của cấp trên được Nhà trường triển khai	6 điểm		
	+ Chấp hành tốt, kịp thời, không vi phạm	6 điểm		
	+ Chấp hành không tốt, không kịp thời	- 3 điểm/lần		
2.2	Chấp hành kỷ luật của Nhà trường	10 điểm		
	+ Chấp hành tốt, không vi phạm kỷ luật	10 điểm		
	+ Bị kỷ luật khiển trách trước toàn trường	- 5 điểm/lần		
	+ Bị kỷ luật cảnh cáo trước toàn trường	- 10 điểm/lần		
	+ Không nộp sổ liên lạc	- 10 điểm/HK		
	+ Không tham gia bảo hiểm y tế	- 10 điểm/HK		
2.3	Chấp hành nội quy thư viện	2 điểm		
	+ Chấp hành tốt	2 điểm		
	+ Vi phạm	- 2 điểm/lần		
2.4	Chấp hành quy định đóng học phí	4 điểm		
	+ Đóng học phí đầy đủ, đúng hạn	4 điểm		
	+ Đóng chậm, có lý do chính đáng, không bị cấm thi	2 điểm		
	+ Đóng chậm, không có lý do chính đáng, bị cấm thi	0 điểm		
2.5	Chấp hành quy định nếp sống văn hóa học đường	3 điểm		
	+ Chấp hành tốt, không có vi phạm	3 điểm		
	+ Vi phạm quy định, hút thuốc lá trong khu vực trường	- 3 điểm/lần		
<i>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 25) điểm</i>				
3	Tiêu chuẩn 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)	(0 ÷ 20) điểm		
3.1	Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +3 điểm)	9 điểm		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	3 điểm/lần		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 3 điểm/lần		
3.2	<i>Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +2 điểm)</i>	6 điểm		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	2 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
3.3	<i>Ý thức tham gia họp lớp - sinh hoạt đoàn thể ở lớp học</i>	3 điểm		
	+ Tham gia đầy đủ	3 điểm		
	+ Vắng mặt không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
3.4	<i>Tham dự các buổi tuyên truyền về pháp luật; cam kết phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội</i>	2 điểm		
	+ Có tham gia, có cam kết thực hiện 2 Không	2 điểm		
	+ Không tham gia, không có cam kết thực hiện 2 Không	0 điểm		
Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 20) điểm.				
4	Tiêu chuẩn 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)	(0 ÷ 25) điểm		
4.1	<i>Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng</i>	6 điểm		
	+ Chấp hành tốt và tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức	6 điểm		
	+ Không tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị lập biên bản	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị xử lý hành chính	- 6 điểm/lần		
4.2	<i>Lối sống, thái độ cư xử với mọi người xung quanh</i>	4 điểm		
	+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, cư xử đúng mực	4 điểm		
	+ Có hành vi không lành mạnh, không trung thực, cư xử không tốt, bị Nhà trường nhắc nhở nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật	- 2 điểm/lần		
4.3	<i>Tham gia các hoạt động công ích do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +3 điểm)</i>	9 điểm		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	3 điểm/lần		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 3 điểm/lần		
4.4	<i>Tham gia các hoạt động công ích do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +2 điểm).</i>	6 điểm		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động.	2 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
<i>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 25) điểm.</i>				
5	Tiêu chuẩn 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác của Nhà trường (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm)	(0 ÷ 10) điểm		
5.1	<i>Sinh viên là Lớp trưởng, ủy viên BCH Đoàn trường, ủy viên BCH Hội Sinh viên; Bí thư chi Đoàn, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm CLB sinh viên</i>	(0÷10) điểm		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	10 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	7 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.2	<i>Sinh viên là Lớp phó, phó Bí thư chi Đoàn, Chi hội phó, phó Chủ nhiệm CLB sinh viên</i>	(0÷7) điểm		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	7 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	5 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.3	<i>Sinh viên là ủy viên BCH chi đoàn, chi hội; ủy viên Ban chủ nhiệm CLB</i>	(0÷5) điểm		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	5 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	3 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.4	<i>Sinh viên là thành viên các CLB sinh viên MUCE</i>	(0÷2) điểm		
	Tham gia tích cực	2 điểm		
	Tham gia không tích cực	0 điểm		
5.5	<i>Sinh viên tham gia đội Lễ tân, Thanh niên xung kích, Tổ trưởng tổ ngoại trú tự quản an toàn về ANTT</i>	(0÷10) điểm		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	10 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	7 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
<i>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được không vượt quá điểm khung (10 điểm).</i>				
	Tổng cộng: TC 1 (20đ) + TC 2 (25đ) + TC 3 (20đ) + TC 4 (25đ) + 5 (10đ):	100		
6	Sinh viên được thưởng điểm khi đạt các thành tích trong các hoạt động phong trào, học thuật, sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên hoặc tham gia các công tác khác	10 điểm		
6.1	<i>Phát hiện và tố giác tội phạm, được cơ quan Công an hoặc Nhà trường ghi nhận, tuyên dương hoặc khen thưởng</i>	+ 10 điểm		
6.2	<i>Hiến máu cấp cứu</i>	+ 10 điểm		
6.3	<i>Hiến máu</i>	+ 5 điểm		
6.4	<i>Sinh viên được khen thưởng trong các hoạt động phong trào, công tác xã hội, phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường</i>	(3÷ 6) điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp quốc gia.	+ 6 điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp tỉnh.	+ 5 điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp trường, cấp huyện.	+ 3 điểm		
6.5	<i>Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao</i>	(1÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-5) điểm/SV.	(5÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (7-6-5-4) điểm/SV.	(4÷7)điểm/SV		
	+ Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (5-4-3-2) điểm/SV.	(2÷5)điểm/SV		
	+ Giải cấp Khoa: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm/SV.	(2÷4)điểm/SV		
	+ Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.	(1÷3)điểm/SV		
6.6	<i>Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi học thuật, khởi nghiệp sáng tạo, đạt giải Loa thành hoặc các giải thưởng tương đương khác</i>	(1÷ 10) điểm		
	+ Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (10-9-8-6) điểm.	(6÷10)điểm/SV		
	+ Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-4) điểm.	(4÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (6-5-4-3) điểm/SV.	(3÷6)điểm/SV		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	+ Giải cấp khoa: giải (Nhất-Nhi-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm.	(2÷4) điểm		
	+ Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhi-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.	(1÷3) điểm/SV		
	<i>Sinh viên có đề tài NCKH</i>	(4÷6) điểm/SV		
6.7	+ Được đánh giá xuất sắc	6 điểm/SV		
	+ Được đánh giá hoàn thành	4 điểm/SV		
6.8	<i>Sinh viên tham gia hè tình nguyện</i>	10 điểm/HK		
6.9	<i>Sinh viên được kết nạp Đảng</i>	+ 5 điểm/HK		
6.10	<i>Sinh viên được Trường cử đi tham dự các hoạt động học thuật (các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi,...); sinh viên là thành viên của các CLB, tham gia các hoạt động lớn hoặc các cuộc thi (trong kế hoạch đã được đơn vị bảo trợ phê duyệt hoặc các hoạt động/cuộc thi đột xuất do đơn vị bảo trợ tổ chức).</i>	+ 2 điểm/HD		
6.11	<i>Sinh viên tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh của Nhà trường.</i>	+ 5 điểm/ HD		
Ghi chú: Tổng các loại điểm thưởng của mục 6 (từ 6.1 đến 6.10) không vượt quá 10 điểm				

Ghi chú:

- + Tổng điểm đánh giá rèn luyện không vượt quá 100 điểm.
- + Sinh viên tự đánh giá, nộp Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cho lớp trưởng. Nếu sinh viên không nộp phiếu này sẽ nhận kết quả rèn luyện là 0 điểm và xếp loại rèn luyện Kém trong học kỳ.

II. PHÂN LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành các loại: **Xuất sắc; Tốt; Khá; Trung bình; Yếu; Kém** theo thang điểm như sau:

Từ 90-100 điểm: xuất sắc Từ 80-89 điểm: tốt Từ 65-79 điểm: khá
 Từ 50-64 điểm: trung bình Từ 35-49 điểm: yếu Dưới 35 điểm: kém

Tổng điểm đánh giá: Xếp loại:

Phú Yên, ngày...../...../20.....

**XÁC NHẬN
CỦA GV.CVHT**

**XÁC NHẬN CỦA
BAN CÁN SỰ LỚP**

**Sinh viên
(Ký và ghi rõ họ tên)**